



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thông tin về Tập đoàn**

**Giấy chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0100100008

Ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 29 tháng 1 năm 2015. Các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên
Ông Lê Đình Ngọc	Ủy viên
Ông Don Di Lam	Ủy viên

**Cơ quan Tổng Giám đốc**

Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Nguyên Tiến	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 18/7/2016)
Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành
Ông Lê Mạc Thuần	Giám đốc Điều hành
Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành

**Trụ sở đăng ký**

25 Phố Bà Triệu  
Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 65 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc

  
Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2017





KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 65.

### **Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ, nhưng lưu ý người đọc tới:

- Thuyết minh 2(a) của báo cáo tài chính riêng. Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng một số chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Tài chính tại Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017. Các chính sách kế toán này có một số khác biệt so với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như được nêu cụ thể tại Thuyết minh 2(a).
- Thuyết minh 5(c) và Thuyết minh 17 của báo cáo tài chính riêng. Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán đã xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ghi nhận khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tương ứng với phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị sổ sách của khoản phải nộp là 364.061 triệu VND (1/1/2016: 369.532 triệu VND). Cũng theo Công văn 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp số tiền nói trên về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.



Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-148-a



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2017

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 2594-2014-007-1



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>2.365.517.728.659</b>	<b>2.683.812.929.222</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>819.215.662.212</b>	<b>1.712.384.244.945</b>
Tiền	111		117.849.884.434	129.517.613.946
Các khoản tương đương tiền	112		701.365.777.778	1.582.866.630.999
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>637.947.938.000</b>	<b>64.041.000.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	74.767.938.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	563.180.000.000	64.041.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>708.533.587.442</b>	<b>810.737.912.616</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	61.389.880.675	53.691.752.369
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		87.881.783.694	49.088.672.954
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7(a)	111.229.430.764	252.084.388.608
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	448.032.492.309	455.873.098.685
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>156.807.999.437</b>	<b>53.891.489.923</b>
Hàng tồn kho	141		156.807.999.437	53.891.489.923
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>43.012.541.568</b>	<b>42.758.281.738</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.440.143.874	725.425.448
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		37.787.855.748	41.636.902.032
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15(a)	784.541.946	395.954.258

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>6.028.267.247.657</b>	<b>4.363.320.570.302</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.419.544.876.321</b>	<b>81.892.479.263</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7(b)	1.345.746.466.984	76.581.325.763
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	73.798.409.337	5.311.153.500
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.278.090.939.703</b>	<b>476.848.349.915</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.209.896.712.326	424.308.792.043
<i>Nguyên giá</i>	222		1.700.702.831.322	839.516.219.227
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(490.806.118.996)	(415.207.427.184)
Tài sản cố định vô hình	227	11	68.194.227.377	52.539.557.872
<i>Nguyên giá</i>	228		80.744.601.210	63.079.878.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(12.550.373.833)	(10.540.320.728)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>125.145.930.499</b>	<b>871.558.660.940</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	125.145.930.499	871.558.660.940
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5(c)</b>	<b>3.101.606.455.334</b>	<b>2.866.034.347.772</b>
Đầu tư vào công ty con	251		2.090.422.884.657	1.704.267.511.368
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.035.595.276.642	1.050.783.663.576
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		52.288.294.035	125.882.844.878
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(76.700.000.000)	(14.899.672.050)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>103.879.045.800</b>	<b>66.986.732.412</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	103.879.045.800	66.986.732.412
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>8.393.784.976.316</b>	<b>7.047.133.499.524</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>2.822.789.998.377</b>	<b>1.476.839.208.421</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>765.530.413.010</b>	<b>731.048.574.636</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	164.628.547.220	139.445.627.098
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.767.799.973	6.166.202.582
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(b)	659.530.633	972.119.820
Phải trả người lao động	314		14.062.128.220	23.876.340.303
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16(a)	2.667.057.780	4.372.905.902
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		426.000.000	426.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	436.541.355.447	456.257.047.819
Vay ngắn hạn	320	18(a)	111.653.267.949	73.745.026.808
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	28.124.725.788	25.787.304.304
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.057.259.585.367</b>	<b>745.790.633.785</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	16(b)	26.562.816.000	27.511.488.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.952.500.000	2.378.500.000
Phải trả dài hạn khác	337		86.372.730	192.815.930
Vay dài hạn	338	18(b)	2.028.657.896.637	715.707.829.855
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>5.570.994.977.939</b>	<b>5.570.294.291.103</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>5.536.256.003.114</b>	<b>5.531.865.514.650</b>
Vốn cổ phần	411	21	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	29.911.650.892
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		270.680.157.078	266.289.668.614
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.975.185.184	-
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	421b		267.704.971.894	266.289.668.614
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	23	235.664.195.144	235.664.195.144
<b>Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>34.738.974.825</b>	<b>38.428.776.453</b>
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	24	34.738.974.825	38.428.776.453
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>8.393.784.976.316</b>	<b>7.047.133.499.524</b>

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân  
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>26</b>	<b>766.451.206.887</b>	<b>451.742.618.252</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>26</b>	<b>1.022.229.876</b>	<b>63.874.268</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>26</b>	<b>765.428.977.011</b>	<b>451.678.743.984</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>27</b>	<b>729.157.902.770</b>	<b>388.350.458.146</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>36.271.074.241</b>	<b>63.328.285.838</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	453.171.978.122	410.203.055.801
Chi phí tài chính	22	29	105.903.210.333	50.633.279.382
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		38.985.840.115	17.753.815.748
Chi phí bán hàng	25		20.500.637.554	9.304.226.798
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	158.120.443.733	151.493.181.833
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>204.918.760.743</b>	<b>262.100.653.626</b>
Thu nhập khác	31	31	80.306.917.219	7.340.832.739
Chi phí khác	32		1.837.123.169	2.703.800.689
<b>Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>78.469.794.050</b>	<b>4.637.032.050</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>283.388.554.793</b>	<b>266.737.685.676</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>33</b>	<b>15.683.582.899</b>	<b>448.017.062</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>267.704.971.894</b>	<b>266.289.668.614</b>

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân  
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>283.388.554.793</b>	<b>266.737.685.676</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		82.473.925.523	49.224.680.810
Các khoản dự phòng	03		61.800.327.950	14.899.672.050
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.313.779.534)	14.374.709.450
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(518.923.403.383)	(410.366.572.632)
Chi phí lãi vay	06		38.985.840.115	17.753.815.748
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(54.588.534.536)</b>	<b>(47.376.008.898)</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(56.137.212.610)	(81.396.281.987)
Biến động hàng tồn kho	10		(102.916.509.514)	(18.658.381.873)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		55.885.642.401	(141.590.063.260)
Biến động chi phí trả trước	12		(29.112.864.512)	2.011.091.072
			<b>(186.869.478.771)</b>	<b>(287.009.644.946)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(21.939.713.082)	(19.802.003.581)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(15.683.582.899)	(529.617.227)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	235.664.195.144
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(35.554.694.028)	(417.635.779.222)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(260.047.468.780)</b>	<b>(489.312.849.832)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(504.582.383.534)	(807.335.911.423)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		95.454.545.455	610.545.455
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.657.040.643.722)	(166.164.039.404)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		80.200.000.000	204.888.500.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(242.854.900.000)	(555.400.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		27.471.553.000	416.561.519.920
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27		389.744.854.195	344.073.872.659
Tiền giảm do điều chuyển tài sản cho các đơn vị khác			(2.498.805)	(1.742.623.070)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.811.609.473.411)</b>	<b>(9.663.535.863)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		2.041.281.287.270	984.075.368.863
Tiền trả nợ gốc vay	34		(613.010.327.312)	(517.838.754.675)
Tiền trả cổ tức	36		(249.782.600.500)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.178.488.359.458</b>	<b>466.236.614.188</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(893.168.582.733)</b>	<b>(32.739.771.507)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(893.168.582.733)</b>	<b>(32.739.771.507)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>1.712.384.244.945</b>	<b>1.745.124.016.452</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>819.215.662.212</b>	<b>1.712.384.244.945</b>

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân  
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC – TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

### **(b) Hoạt động chính**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

#### **1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:**

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại sơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, giày tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải; vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
  - Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
  - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
  - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
  - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
  - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

#### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.





**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam:

<b>Tên</b>	<b>Thông tin chính</b>
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Trung tâm Xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-019 ngày 17 tháng 11 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-045 ngày 1 tháng 4 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Phú Hưng	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-046 ngày 30 tháng 7 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-047 ngày 16 tháng 4 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-048 ngày 1 tháng 6 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-049 ngày 4 tháng 11 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-050 ngày 1 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100008-051 ngày 26 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 2.578 nhân viên (1/1/2016: 2.594 nhân viên).



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, ngoại trừ một số chính sách kế toán được áp dụng trong năm 2016 liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính.

Căn cứ theo Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCĐN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính, Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện việc (i) ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; và (ii) trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính như sau:

- (i) Đối với khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm: Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải phân bổ vào chi phí trong năm ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017, số còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ cho những năm sau nhưng không quá 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021); và
- (ii) Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi. Đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả sản xuất kinh doanh bị lỗ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán theo quy định hiện hành.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán đầu tiên sau khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 thay vì ngày 29 tháng 1 năm 2015, ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu, như theo các quy định hiện hành do theo Công văn số 2917/BCT-TC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Công thương về việc quyết toán cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Bộ Công thương đã chấp thuận cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam chọn ngày 31 tháng 12 năm 2014 là thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a), tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng số lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017, số còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong những năm sau nhưng không quá 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021). Thay đổi về chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

Nếu Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, chi phí trả trước dài hạn và chi phí tài chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm và tăng tương ứng là 15.146 triệu VND.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Cơ quan Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(ii) Chứng khoán kinh doanh, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn.

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
  - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
  - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
  - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(o)(ii)).

**(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iv) Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu của công ty cổ phần và các đơn vị khác đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán (“đơn vị niêm yết”) được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị thị trường của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a), Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi. Đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả sản xuất kinh doanh bị lỗ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán theo quy định hiện hành. Thay đổi về chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

Nếu Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư như theo quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp (“Thông tư 228”) và Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 Sửa đổi, bổ sung Thông tư 228, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và chi phí tài chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ tăng 26.499 triệu VND.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn Dệt May Việt Nam khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.





**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”) và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng 10 đến 40 năm.

**(ii) Chi phí thuê nhà xưởng trả trước**

Chi phí thuê nhà xưởng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê là 15 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iv) Lợi thế kinh doanh**

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam và được phân bổ không quá 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu).

**(v) Chênh lệch tỷ giá hối đoái**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(l) Vốn cổ phần**

##### ***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

#### **(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(n) Doanh thu**

##### ***(i) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

##### ***(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(o) Doanh thu hoạt động tài chính**

**(i) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(ii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(c)(ii)).

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.233.016.476	1.257.270.668
Tiền gửi ngân hàng	115.616.867.958	128.260.343.278
Các khoản tương đương tiền	701.365.777.778	1.582.866.630.999
	<hr/>	<hr/>
	819.215.662.212	1.712.384.244.945

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 47.184 triệu VND (1/1/2016: 68.455 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 17(i)).

Trong tiền gửi ngân hàng tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 có 91.572 triệu VND là tiền được Ngân sách Nhà nước giải ngân cho các dự án của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo Quyết định số 992/QĐ-BTC ngày 27 tháng 5 năm 2015.

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm 80.000 triệu VND (1/1/2016: Không) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2016			Dự phòng giảm giá VND
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân	10.995.285	74.767.938.000	48.269.301.150	-

Trong năm, Tập đoàn đã phân loại lại khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân là chứng khoán kinh doanh từ khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh 5(c)) do thay đổi mục đích nắm giữ các cổ phiếu này.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Căn cứ theo Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCĐN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính (Thuyết minh 2(a)), Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân do ngân hàng này có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi trong năm 2016.

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	563.180.000.000	563.180.000.000	64.041.000.000	64.041.000.000

(\*) Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,5% đến 5,5% (2015: từ 5% đến 6%) một năm.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016					1/1/2016				
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:										
▪ Công ty con										
• Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	51,00%	51,00%	529.510.310.129	-	(*)	51,00%	51,00%	529.510.310.129	-	(*)
• Công ty TNHH Dệt Kim Đồng Phương	100%	100%	156.584.867.884	-	(*)	100%	100%	156.584.867.884	-	(*)
• Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 (ii)	-	-	-	-	-	100%	100%	162.142.895.063	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	64,96%	64,96%	150.422.075.950	-	(*)	68,21%	68,21%	150.422.075.950	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	23.107.500.000	(15.795.000.000)	(*)	68,34%	68,34%	23.107.500.000	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (ii)	-	-	-	-	-	57,57%	57,57%	134.385.103.590	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đồng Xuân	100%	100%	115.815.363.458	-	(*)	100%	100%	115.815.363.458	-	(*)
• Công ty Cổ phần Len Việt Nam	67,15%	67,15%	28.259.101.159	-	(*)	67,15%	67,15%	28.259.101.159	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	61,63%	61,63%	24.852.076.451	-	(*)	61,63%	61,63%	24.852.076.451	-	(*)
• Công ty Cổ phần Bông Việt Nam	55,00%	55,00%	24.750.000.000	-	(*)	55,00%	55,00%	24.750.000.000	(2.475.000.000)	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Mới	51,00%	51,00%	41.822.531.336	-	(*)	51,00%	51,00%	41.822.531.336	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex	51,00%	51,00%	41.130.079.185	-	(*)	51,00%	51,00%	41.130.079.185	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	53,85%	53,85%	39.196.265.350	-	(*)	53,85%	53,85%	39.196.265.350	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	63,90%	63,90%	181.864.228.000	-	(*)	65,54%	65,54%	150.734.318.000	-	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (ii)	100%	100%	450.960.807.502	(28.182.006.565)	(*)	-	-	-	-	-
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex (iii)	100%	100%	200.592.654.440	(32.722.993.435)	(*)	-	-	-	-	-
			<u>2.090.422.884.657</u>	<u>(76.700.000.000)</u>				<u>1.704.267.511.368</u>	<u>(2.475.000.000)</u>	



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	31/12/2016					1/1/2016				
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>▪ Công ty liên kết</b>										
• Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	27,69%	27,69%	64.157.524.344	-	(*)	27,69%	27,69%	64.157.524.344	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo (iv)	27,00%	27,00%	33.294.660.248	-	(*)	27,00%	27,00%	38.165.460.248	-	(*)
• Công ty Cổ phần May Đức Giang	36,79%	36,79%	46.158.338.796	-	(*)	36,79%	36,79%	46.158.338.796	-	(*)
• Công ty Cổ phần May Hưng Yên	35,01%	35,01%	47.350.233.063	-	(*)	35,01%	35,01%	47.350.233.063	-	(*)
• Tổng Công ty May 10 – CTCP (v)	35,51%	35,51%	96.422.578.752	-	(*)	35,51%	35,51%	53.808.418.752	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (vi)	31,92%	31,92%	282.635.440.119	-	(*)	47,88%	47,88%	282.635.440.119	-	(*)
• Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinatex (vii)	-	-	-	-	-	44,16%	44,16%	7.918.626.154	-	(*)
• Công ty Cổ phần May Phương Đông (vii)	-	-	-	-	-	25,50%	25,50%	13.083.311.931	-	(*)
• Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh (ii)	-	-	-	-	-	46,50%	46,50%	36.732.808.849	-	(*)
• Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác			269.272.056.185	-	(*)			264.469.056.185	-	(*)
			1.035.595.276.642	-				1.050.783.663.576	-	
<b>▪ Đơn vị khác</b>										
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>										
• Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân (viii)	-	-	-	-	-	3,65%	3,65%	74.767.938.000	(12.424.672.050)	62.343.265.950
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu</i>										
• Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	(*)	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	(*)
• Quỹ Đầu tư Việt Nam	0,10%	0,10%	1.966.868.548	-	(*)	0,67%	0,67%	5.619.624.421	-	(*)
• Các khoản đầu tư khác			24.431.940.152	-	(*)			19.605.797.122	-	(*)
			52.288.294.035	-				125.882.844.878	(12.424.672.050)	
			3.178.306.455.334	(76.700.000.000)				2.880.934.019.822	(14.899.672.050)	

Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCĐN ngày 26 tháng 11 năm 2015 về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Phương pháp định giá lại các khoản đầu tư được trình bày chi tiết trong Thuyết minh 3(c)(ii). Đồng thời, như được trình bày trong Thuyết minh 17, tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam để tính toán và xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp theo chỉ đạo của Văn phòng Thủ tướng. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần có thể sẽ được điều chỉnh theo kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Trong năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã mua thêm cổ phần do Công ty Cổ phần Dệt May Huế phát hành thêm.
- (ii) Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex được thành lập theo Nghị quyết số 05/NQ-TĐDMVN ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107386444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 5 tháng 4 năm 2016. Trong năm, Tập đoàn đã góp vốn vào Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex với chi tiết như sau:

**VND**

Góp vốn bằng tiền	100.000.000.000
Góp vốn bằng các khoản đầu tư vào công ty con bao gồm:	
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3	162.142.895.063
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	134.385.103.590
▪ Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh	36.732.808.849
Góp vốn bằng tài sản – Dự án Nhà máy May Quảng Bình	17.700.000.000

---

**450.960.807.502**


---

- (iii) Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex được thành lập theo Nghị quyết số 05/NQ-TĐDMVN ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0313767685 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 4 năm 2016. Trong năm, Tập đoàn đã góp vốn vào Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex với chi tiết như sau:

**VND**

Góp vốn bằng tiền	65.000.000.000
Điều chuyển tài sản và nợ phải trả của một số dự án đầu tư xây dựng cơ bản:	
▪ Tiền gửi ngân hàng	2.498.805
▪ Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	20.520.066.361
▪ Tài sản cố định hữu hình	62.600.754.783
▪ Xây dựng cơ bản dở dang	148.232.129.565
▪ Chi phí trả trước dài hạn	34.730.298.780
▪ Phải trả người bán ngắn hạn	(2.498.805)
▪ Vay dài hạn	(130.490.595.049)

---

**200.592.654.440**


---

- (iv) Trong năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo tương ứng với số cổ tức được chia từ công ty này cho năm 2014 là 4.871 triệu VND do khoản cổ tức này đã được sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư tại thời điểm Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (v) Trong năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã mua thêm cổ phần do Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần phát hành thêm.
- (vi) Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến đã phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông khác để tăng vốn điều lệ và qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại công ty liên kết này.
- (vii) Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thanh lý toàn bộ các khoản đầu tư này trong năm.
- (viii) Trong năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã phân loại lại khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân là chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 5(a)).

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của các công ty chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCoM được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa công bố trên sàn UPCoM tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

- (\*) Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 15 công ty con cấp 1 (1/1/2016: 15 công ty con cấp 1) và 19 công ty liên kết (1/1/2016: 22 công ty liên kết). Các công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác đều được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ là 75.463 triệu VND được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan</b>		
▪ Công ty Cổ phần May Bình Minh	303.911.995	4.163.767.647
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương	3.133.206.691	3.269.075.788
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	115.162.949	3.109.591.063
▪ Công ty TNHH Tổng công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	537.211.802	-
▪ Công ty Cổ phần Dệt Kim Vinatex	312.519.728	224.403.549
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	933.134.194	50.000.000
▪ Các công ty liên quan khác	296.014.436	443.895.185
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
▪ Công ty Cổ phần Siêu thị Vinmart	3.829.369.927	7.223.195.525
▪ Nevres Tekstil San Ve Tic A.S.	7.309.125.659	-
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương Mại Tài Nguyên	5.932.329.420	4.304.258.006
▪ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	-	10.656.537.864
▪ Ozon Tekstil Konfeksiyon San. ve Tic. A.S.	-	8.523.438.840
▪ Các khách hàng khác	38.687.893.874	11.723.588.902
	<b>61.389.880.675</b>	<b>53.691.752.369</b>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu về cho vay****(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>Phải thu về cho vay từ các công ty liên quan</b>		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	64.999.388.608	74.999.388.608
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3	8.800.000.000	42.996.540.000
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương	9.460.000.000	25.700.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	6.500.000.000	17.500.000.000
▪ Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	1.470.042.156	-
<b>Phải thu về cho vay từ các công ty khác</b>		
▪ Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	68.888.460.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt Sơn Trà	-	2.000.000.000
	<b>111.229.430.764</b>	<b>252.084.388.608</b>

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn không được bảo đảm, hưởng lãi suất dao động từ 0% đến 10% (2015: từ 0% đến 7,5%) một năm.

**(b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>Phải thu về cho vay từ các công ty liên quan</b>			
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May (i)	2017	75.987.039.404	75.987.039.404
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (ii)	2035	79.734.628.980	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (ii)	2035	213.132.524.928	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (ii)	2035	521.421.854.424	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (ii)	2036	19.767.954.996	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (ii)	2035	209.863.483.956	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân (ii)	2035	37.239.832.800	-
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 – Khoản 1 (ii)	2035	74.541.769.608	-
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 – Khoản 2 (iii)	2018	26.889.814.936	-
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 – Khoản 3 (iv)	2020	86.776.562.952	-
<b>Phải thu về cho vay từ các bên khác</b>		<b>391.000.000</b>	<b>594.286.359</b>
		<b>1.345.746.466.984</b>	<b>76.581.325.763</b>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản phải thu về cho vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Số 20, Phố Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May. Khoản cho vay này hưởng lãi suất cố định 5,5% một năm.
- (ii) Đây là các khoản Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho các công ty con vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (Thuyết minh 18(b)(iii)). Các khoản cho vay này hưởng lãi suất theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải trả cho Ngân hàng Phát triển Châu Á và phí phải trả Bộ Tài chính cộng thêm 0,5% phí quản lý của Tập đoàn.
- (iii) Khoản phải thu về cho vay này không được đảm bảo và hưởng lãi suất cố định 5,5% một năm.
- (iv) Khoản phải thu về cho vay này không được đảm bảo và không hưởng lãi suất.

**8. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Các khoản phải thu về cổ phần hóa	5.011.933.324	4.939.586.648
Cổ tức phải thu	382.422.718.083	336.823.058.360
Tiền lãi cho vay	6.537.193.943	6.988.421.743
Lãi tiền gửi	10.554.168.887	7.649.644.634
Phải thu từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 do điều chuyển Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng	-	26.889.814.936
Phải thu khoản vốn đã góp vào Dự án Đồng Mai	22.500.000.000	22.500.000.000
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	10.095.645.609	-
Phải thu từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3 liên quan đến khoản trợ cấp thất nghiệp	-	15.691.562.952
Tạm ứng cho công nhân viên	1.219.819.024	2.570.188.000
Phải thu thuế giá trị gia tăng được hoàn	-	19.065.245.191
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	9.691.013.439	12.755.576.221
	<b>448.032.492.309</b>	<b>455.873.098.685</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	69.434.694.036	60.729.316.657
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	62.142.070.205	58.020.656.841
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3	3.280.947.150	44.627.801.679
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	40.217.760.000	40.217.760.000
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	27.121.837.945	32.227.446.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	22.500.000.000	22.500.000.000
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	24.637.500.000	19.710.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	30.314.381.069	17.763.645.637
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	14.807.485.000	16.153.620.000
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	16.267.354.009	14.745.748.500
Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	14.230.339.200	14.230.339.200
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	12.600.000.000	12.600.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương	10.749.521.971	8.866.269.693
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	6.822.204.000	7.959.238.000
Tổng Công ty May 10 – CTCP	9.588.186.000	7.102.360.000
Các công ty liên quan khác	46.078.151.466	30.802.734.209
	<b>410.792.432.051</b>	<b>408.256.936.416</b>

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu dài hạn khác từ các công ty liên quan</b>		
Tài sản bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (i)	68.483.969.478	-
<b>Phải thu dài hạn khác</b>		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	5.311.153.500	5.311.153.500
Khác	3.286.359	-
	<b>73.798.409.337</b>	<b>5.311.153.500</b>

- (i) Phản ánh giá trị ghi sổ của các tài sản của Nhà máy May Quảng Bình mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tạm bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex trong năm. Tại ngày báo cáo, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang thực hiện các thủ tục để bàn giao các khoản nợ phải trả có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2016</b> <b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>Giá gốc</b> <b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	28.761.334.057	-
Nguyên vật liệu	51.925.698.819	32.270.541.941
Công cụ và dụng cụ	680.168.470	130.301.491
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.959.858.368	7.837.574.406
Thành phẩm	46.568.332.445	10.582.367.446
Hàng hóa	1.038.411.037	786.436.723
Hàng gửi đi bán	5.874.196.241	2.284.267.916
	<hr/>	<hr/>
	156.807.999.437	53.891.489.923

## 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	377.859.225.851	395.879.639.587	41.796.451.568	23.980.902.221	839.516.219.227
Tăng trong năm	-	1.948.095.542	2.129.093.818	318.712.825	4.395.902.185
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	133.818.872.820	773.048.097.829	7.579.452.734	10.050.781.356	924.497.204.739
Xóa sổ	-	(1.946.288.379)	(660.909.091)	(32.949.896)	(2.640.147.366)
Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	(40.041.302.431)	(22.090.603.623)	(2.426.425.589)	(508.015.820)	(65.066.347.463)
Số dư cuối năm	471.636.796.240	1.146.838.940.956	48.417.663.440	33.809.430.686	1.700.702.831.322
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	163.015.821.841	225.847.967.562	16.140.362.487	10.203.275.294	415.207.427.184
Khấu hao trong năm	19.617.876.484	51.840.086.361	4.860.249.961	3.664.687.864	79.982.900.670
Xóa sổ	-	(1.224.757.191)	(660.909.091)	(32.949.896)	(1.918.616.178)
Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	(1.265.147.425)	(1.050.984.115)	(114.496.640)	(34.964.500)	(2.465.592.680)
Số dư cuối năm	181.368.550.900	275.412.312.617	20.225.206.717	13.800.048.762	490.806.118.996
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	214.843.404.010	170.031.672.025	25.656.089.081	13.777.626.927	424.308.792.043
Số dư cuối năm	290.268.245.340	871.426.628.339	28.192.456.723	20.009.381.924	1.209.896.712.326

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 212.716 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 53.537 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.013.840 triệu VND (1/1/2016: 268.649 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.





**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	62.544.728.600	535.150.000	63.079.878.600
Tăng trong năm	16.289.120.610	-	16.289.120.610
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.375.602.000	1.375.602.000
Số dư cuối năm	78.833.849.210	1.910.752.000	80.744.601.210
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	10.005.170.728	535.150.000	10.540.320.728
Khấu hao trong năm	1.638.730.776	371.322.329	2.010.053.105
Số dư cuối năm	11.643.901.504	906.472.329	12.550.373.833
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	52.539.557.872	-	52.539.557.872
Số dư cuối năm	67.189.947.706	1.004.279.671	68.194.227.377

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 535 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Số dư đầu năm	871.558.660.940	56.159.731.797
Tăng trong năm	443.286.267.272	870.378.258.829
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(924.497.204.739)	(54.979.329.686)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.375.602.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(36.080.968.422)	-
Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	(79.513.092.987)	-
Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	(148.232.129.565)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>125.145.930.499</b>	<b>871.558.660.940</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Nhà máy Sợi Nam Định	21.985.386.962	168.030.012.763
Nhà máy Sản xuất vải Yarn Dyed	13.410.122.957	262.300.252.185
Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	-	97.912.389.378
Nhà máy Sợi Phú Cường	20.766.833.497	316.442.844.422
Nhà máy May Cần Thơ	1.899.975.723	16.766.700.616
Nhà máy May Bạc Liêu	14.048.857.262	2.689.326.746
Nhà máy May Quảng Bình	5.557.770.050	648.291.111
Nhà máy May Tuyên Quang	29.215.075.863	623.875.946
Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	6.335.837.250	-
Các công trình khác	11.926.070.935	6.144.967.773
<b>Tổng cộng</b>	<b>125.145.930.499</b>	<b>871.558.660.940</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 85.377 triệu VND (1/1/2016: 839.643 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 10.489 triệu VND (2015: 11.833 triệu VND).



## 13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê nhà xưởng trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Lợi thế kinh doanh VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	52.470.661.466	-	6.838.849.249	3.745.971.916	-	3.931.249.781	66.986.732.412
Tăng trong năm	-	16.240.000.000	42.667.485.952	-	15.146.064.363	5.321.172.880	79.374.723.195
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.783.852.728	18.581.818.180	3.563.868.070	-	-	8.151.429.444	36.080.968.422
Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	(5.293.056.950)	-	(28.094.458.789)	-	-	(1.342.783.041)	(34.730.298.780)
Thanh lý	(17.071.793.327)	-	-	-	-	-	(17.071.793.327)
Phân bổ trong năm	(2.297.787.420)	(4.894.545.461)	(10.308.962.557)	(1.872.985.956)	-	(7.387.004.728)	(26.761.286.122)
Số dư cuối năm	33.591.876.497	29.927.272.719	14.666.781.925	1.872.985.960	15.146.064.363	8.674.064.336	103.879.045.800

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 34.387 triệu VND được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (1/1/2016: Không).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải trả người bán là các công ty liên quan</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	780.100.018	3.469.409.520
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	4.179.091.590	1.687.243.711
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	1.949.447.972	1.845.156.022
Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần	1.150.075.051	2.823.799.815
Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương	5.829.960.836	2.401.517.216
Các công ty liên quan khác	79.485.841	142.456.250
<b>Phải trả người bán khác</b>		
Nataka Corporate Private Limited	41.374.225.200	13.694.289.700
Công ty Cổ phần Xây dựng Byd Việt Nam	19.023.571.173	21.922.431.000
Công ty TNHH Bentex Trading	125.252.256	19.954.394.026
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Thờ Thiên Huế	2.243.452.000	1.709.860.364
Shanghai Weishi Machinery Co., Ltd.	2.098.626.000	-
Truetzschler GmbH & Co. KG	172.659.480	28.459.042.634
Tung Shing Sewing Machine Co., Ltd	28.587.688.800	-
Công ty Cổ phần May Tiên Tiến	18.758.547.251	6.007.707.463
Tổng Công ty Cổ Phần Sông Hồng	4.016.714.853	1.752.226.455
Các nhà cung cấp khác	34.259.648.899	33.576.092.922
	<b>164.628.547.220</b>	<b>139.445.627.098</b>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.



## **15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

### **(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<b>1/1/2016 VND</b>	<b>Số đã nộp trong năm VND</b>	<b>Số phát sinh/đã thu được trong năm VND</b>	<b>31/12/2016 VND</b>
<b>Thuế</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	220.220.199	15.683.582.899	(15.683.582.899)	220.220.199
<i>Văn phòng</i>	220.220.199	15.683.582.899	(15.683.582.899)	220.220.199
Thuế xuất, nhập khẩu	24.633.387	738.950.432	(199.262.072)	564.321.747
<i>Văn phòng</i>	24.633.387	225.910.797	(193.297.753)	57.246.431
<i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i>	-	5.964.319	(5.964.319)	-
<i>Chi nhánh văn phòng Hồ Chí Minh</i>	-	507.075.316	-	507.075.316
<b>Các khoản phải thu khác</b>				
<i>Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Veston Hải Phòng</i>	151.100.672	-	(151.100.672)	-
	395.954.258	16.422.533.331	(16.033.945.643)	784.541.946

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào/ số phải thu VND	31/12/2016 VND
<b>Thuế</b>						
Thuế GTGT hàng bán nội địa	447.293.147	44.158.471.160	-	(4.338.512.803)	(39.819.145.980)	448.105.524
Văn phòng	-	23.777.665.472	-	(1.909.090.909)	(21.868.574.563)	-
Nhà máy Sợi Phú Hưng	-	6.139.337.254	-	-	(6.139.337.254)	-
Xi nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	129.512.157	2.875.873.032	-	(1.932.246.059)	(625.033.606)	448.105.524
Nhà máy May Kiên Giang	317.780.990	923.311.953	-	(497.175.835)	(743.917.108)	-
Chi nhánh văn phòng Hồ Chí Minh	-	895.418.630	-	-	(895.418.630)	-
Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	-	3.511.776.347	-	-	(3.511.776.347)	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	2.904.279.205	-	-	(2.904.279.205)	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	3.130.809.267	-	-	(3.130.809.267)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	32.207.452.454	(32.207.452.454)	-	-
Văn phòng	-	-	31.641.518.701	(31.641.518.701)	-	-
Chi nhánh văn phòng Hồ Chí Minh	-	-	88.700.268	(88.700.268)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Hưng	-	-	69.752.289	(69.752.289)	-	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	-	8.501.407	(8.501.407)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	-	13.732.163	(13.732.163)	-	-
Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	-	-	385.247.626	(385.247.626)	-	-
Thuế nhà thầu	338.657.768	-	1.500.553.632	(1.828.251.052)	-	10.960.348
Văn phòng	338.657.768	-	1.500.553.632	(1.828.251.052)	-	10.960.348



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2016 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào/ số phải thu VND	31/12/2016 VND
Các loại thuế khác	186.168.905	-	4.454.714.102	(4.440.418.246)	-	200.464.761
+ Thuế môn bài	-	-	8.500.000	(8.500.000)	-	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
<i>Trung tâm XLNT KCN Dệt May Phố Nối</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Xi nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Chi nhánh văn phòng Hồ Chí Minh</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	-	500.000	(500.000)	-	-
<i>Nhà máy May Kiên Giang</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
+ Lệ phí trước bạ	-	-	20.683.086	(20.683.086)	-	-
<i>Xi nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi</i>	-	-	20.683.086	(20.683.086)	-	-
+ Thuế thu nhập cá nhân	186.168.905	-	4.425.531.016	(4.411.235.160)	-	200.464.761
<i>Văn phòng</i>	155.653.510	-	3.619.447.940	(3.638.996.651)	-	136.104.799
<i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i>	26.733.517	-	677.304.549	(657.779.046)	-	46.259.020
<i>Nhà máy May Kiên Giang</i>	2.964.985	-	(2.964.985)	-	-	-
<i>Chi nhánh văn phòng Hồ Chí Minh</i>	816.893	-	77.596.396	(78.413.289)	-	-
<i>Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed</i>	-	-	52.843.211	(35.479.432)	-	17.363.779
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	-	748.349	(566.742)	-	181.607
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	-	555.556	-	-	555.556
<b>Các khoản phải nộp khác</b>						
Tiền thuê đất	-	-	10.696.382.404	(10.696.382.404)	-	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	-	7.237.237.413	(7.237.237.413)	-	-
<i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	-	-	3.459.144.991	(3.459.144.991)	-	-
	972.119.820	44.158.471.160	48.859.102.592	(53.511.016.959)	(39.819.145.980)	659.530.633



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí phải trả****(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Lãi vay	-	876.928.000
Chi phí phải trả khác	1.718.385.780	2.547.305.902
	<hr/>	<hr/>
	1.718.385.780	3.424.233.902
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	948.672.000	948.672.000
	<hr/>	<hr/>
	2.667.057.780	4.372.905.902
	<hr/>	<hr/>

**(b) Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Tiền thuê đất phải trả (*)	27.511.488.000	28.460.160.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	26.562.816.000	27.511.488.000
	<hr/>	<hr/>

(\*) Phản ánh số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo năm 2012 của Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.045.514.062	2.313.736.943
Phải trả các công ty liên quan	3.331.606.229	1.167.830.862
Quỹ từ thiện	3.545.248.287	3.551.073.470
Phải trả về cổ phần hóa	5.449.245.603	5.449.245.603
Phải trả cho các trường đào tạo (i)	47.184.176.063	68.455.091.012
Cổ tức phải trả	217.399.500	-
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (ii)	364.061.259.133	369.532.259.133
Phải trả quỹ khen thưởng, phúc lợi phân bổ cho công ty con	2.164.282.867	-
Lãi vay phải trả	1.762.528.380	-
Các khoản phải trả khác	7.780.095.323	5.787.810.796
	<b>436.541.355.447</b>	<b>456.257.047.819</b>

- (i) Phải trả cho các trường đào tạo là phần vốn xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN, chi tiết như sau:

	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex	4.190.698.513	23.385.120.513
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May		
Thời trang Hà Nội	10.289.000.000	10.289.000.000
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex		
Thành phố Hồ Chí Minh	32.704.477.550	34.780.970.499
	<b>47.184.176.063</b>	<b>68.455.091.012</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển đổi sang công ty cổ phần (Thuyết minh 5(c)). Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn phải nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

**18. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn (*)	45.666.623.217	300.305.081.895	(302.620.948.375)	43.350.756.737
Vay dài hạn đến hạn trả	28.078.403.591	68.302.511.212	(28.078.403.591)	68.302.511.212
	73.745.026.808	368.607.593.107	(330.699.351.966)	111.653.267.949



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(\*) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế	USD	1,6%	15.747.976.375	6.780.437.720
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế	VND	5,5%	3.370.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Nam Sài Gòn	VND	2,2% - 2,3%	15.056.735.364	-
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Nội	USD	1,5%	9.176.044.998	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Huế	USD	1,5%	-	21.357.846.874
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	VND	5,4%	-	14.081.542.648
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	VND	5,7%	-	3.446.795.975
			<b>43.350.756.737</b>	<b>45.666.623.217</b>

Các khoản vay ngắn hạn còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 không được đảm bảo.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	USD	3,8%	2025	104.926.314.552	1.984.536.554
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	VND	9,4%	2025	46.114.973.272	15.760.863.605
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình (ii)	VND	6,5%	2024	35.779.304.069	-
Ngân hàng Phát triển Châu Á (iii)	USD	Thả nổi	2039	1.422.738.946.572	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iv)	VND	9,0%	2027	4.024.506.824	3.560.442.642
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iv)	USD	2,8%	2027	190.679.256.384	180.958.446.627
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (v)	USD	3,845%	2028	240.381.076.704	211.299.947.023
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (v)	VND	9,4%	2028	26.879.947.813	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (vi)	VND	6,5%		7.541.280.553	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (vii)	VND	6,8%	2024	16.833.233.106	-
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	USD	3,2%	2017	1.061.568.000	-
Các khoản vay ngân hàng đã bàn giao lại cho công ty con trong năm				-	130.490.595.049
Các khoản vay ngân hàng đã tất toán trong năm				-	199.731.401.946
				<b>2.096.960.407.849</b>	<b>743.786.233.446</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 18(a))				<b>(68.302.511.212)</b>	<b>(28.078.403.591)</b>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				<b>2.028.657.896.637</b>	<b>715.707.829.855</b>

- (i) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Nam Định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 266.598 triệu VND (1/1/2016: 168.030 triệu VND).



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Quảng Bình. Trong năm, Tập đoàn đã chuyển giao tài sản của Dự án Nhà máy May Quảng Bình cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex, một công ty thuộc sở hữu 100% của Tập đoàn.
- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng:
- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 207.232 triệu VND;
  - một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú;
  - các khoản tương đương tiền của tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 80.000 triệu VND; và
  - 5.331.296 cổ phiếu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 75.463 triệu VND.

Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần theo công thức: Libor 6 tháng bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ (–) một khoản giảm trừ là 0,1% cộng (+) phí bảo hiểm kỳ hạn 0,2%. Khoản vay được hoàn trả từ ngày 1 tháng 6 năm 2020 đến ngày 1 tháng 12 năm 2039, trong 40 kỳ nửa năm, số tiền trả mỗi kỳ được xác định bằng cách nhân tổng số nợ gốc đã rút với phần trả mỗi lần (%) được quy định trong hợp đồng vay.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính. Theo đó, hàng năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cần lập báo cáo tài chính của dự án được tài trợ bởi khoản vay này và báo cáo về tình hình tuân thủ với các điều khoản của các Hiệp định vay có liên quan. Các báo cáo này cần được kiểm toán và soát xét bởi một đơn vị kiểm toán độc lập.

- (iv) Các khoản vay này được bảo đảm bằng một số tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn của Nhà máy Sản xuất vải Yarn Dyed với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tổng cộng là 258.671 triệu VND (1/1/2016: 257.258 triệu VND).
- (v) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 371.888 triệu VND (1/1/2016: 316.443 triệu VND).
- (vi) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Bạc Liêu. Trong năm, Tập đoàn đã chuyển giao tài sản của Dự án Nhà máy May Bạc Liêu cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex, một công ty thuộc sở hữu 100% của Tập đoàn. Khoản vay này chưa có lịch trả nợ cụ thể.
- (vii) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Tuyên Quang với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 29.215 triệu VND.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Số dư đầu năm	25.787.304.304	35.122.108.960
Trích lập trong năm	13.314.483.430	-
Sử dụng trong năm	(8.812.779.079)	(9.334.804.656)
Phân phối cho các công ty con	(2.164.282.867)	-
Số dư cuối năm	28.124.725.788	25.787.304.304



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn góp VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	4.299.595.911.499	-	730.315.739.393	-	-	5.029.911.650.892
Điều chuyển tăng vốn công ty cổ phần	700.404.088.501	29.911.650.892	(730.315.739.393)	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	266.289.668.614	-	266.289.668.614
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước cấp	-	-	-	-	235.664.195.144	235.664.195.144
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	5.000.000.000.000	29.911.650.892	-	266.289.668.614	235.664.195.144	5.531.865.514.650
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	267.704.971.894	-	267.704.971.894
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(13.314.483.430)	-	(13.314.483.430)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(250.000.000.000)	-	(250.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	5.000.000.000.000	29.911.650.892	-	270.680.157.078	235.664.195.144	5.536.256.003.114

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	<b>31/12/2016 và 1/1/2016</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	<b>Đã phát hành và đang lưu hành</b>		
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Nhà nước	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam (*)	70.000.000	700.000.000.000	14,00%
Tập đoàn Vingroup - CTCP (*)	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	82.561.900	825.619.000.000	16,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

(\*) Đây là các cổ đông chiến lược của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Trong trường hợp đặc biệt cổ đông chiến lược cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 14 tháng 6 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2015 là 250.000 triệu VND (tỷ lệ 5% trên mệnh giá).

**23. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản**

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư bao gồm:

	VND
Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng	69.164.195.144
Dự án Nhà máy Sợi Nam Định	80.900.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường	85.600.000.000
	<hr/>
	235.664.195.144

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Trong năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1 và Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

**24. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được Ngân sách Nhà nước cấp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để đầu tư xây dựng Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam. Biến động của nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	38.428.776.453	42.121.552.000
Hao mòn của Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam	(3.689.801.628)	(3.692.775.547)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	34.738.974.825	38.428.776.453

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2016</b>		<b>1/1/2016</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	3.734.321	84.630.914.505	1.387.175	31.144.740.365
EUR	189	4.552.672	201	4.912.433
		<hr/>		<hr/>
		84.635.467.177		31.149.652.798
		<hr/>		<hr/>

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	309.134.106.014	493.585.864.591
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	172.917.602.652	155.761.701.033
	<hr/>	<hr/>
	482.051.708.666	649.347.565.624
	<hr/>	<hr/>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	649.027.798.647	345.230.203.340
▪ Dịch vụ gia công	61.647.041.009	54.300.082.526
▪ Cung cấp dịch vụ	16.891.366.173	13.569.487.055
▪ Doanh thu cho thuê	25.417.742.839	28.968.838.030
▪ Khác	13.467.258.219	9.674.007.301
	<hr/> 766.451.206.887	<hr/> 451.742.618.252
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	-	(46.352.637)
▪ Hàng bán bị trả lại	(1.022.229.876)	(17.521.631)
	<hr/> (1.022.229.876)	<hr/> (63.874.268)
Doanh thu thuần	<hr/> 765.428.977.011	<hr/> 451.678.743.984

**27. Giá vốn hàng bán**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Hàng hoá đã bán	611.103.278.829	313.431.146.247
Dịch vụ gia công	95.544.732.433	54.590.032.797
Dịch vụ đã cung ứng	22.509.891.508	20.329.279.102
	<hr/> 729.157.902.770	<hr/> 388.350.458.146

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	107.654.508.866	116.231.003.251
Cổ tức	333.469.304.204	288.596.678.319
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	1.191.125.246	3.795.789.513
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.769.442.906	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.313.779.534	1.579.584.718
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.773.817.366	-
	<b>453.171.978.122</b>	<b>410.203.055.801</b>

**29. Chi phí tài chính**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Chi phí lãi vay	38.985.840.115	17.753.815.748
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	1.052.755.873	493.175.489
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	61.800.327.950	14.899.672.050
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.585.684.845	3.067.980.787
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	14.374.709.450
Các chi phí tài chính khác	2.478.601.550	43.925.858
	<b>105.903.210.333</b>	<b>50.633.279.382</b>

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Chi phí nhân viên	41.061.582.963	40.558.557.765
Chi phí khấu hao và phân bổ	14.024.434.130	16.766.805.099
Chi phí phân bổ từ chi phí trả trước dài hạn	12.822.551.439	11.157.876.163
Chi phí thuê đất và nhà cửa	20.599.761.519	19.799.772.241
Công tác phí	8.737.963.813	9.725.679.813
Chi phí thuế, phí và lệ phí	4.033.429.929	3.494.971.388
Chi phí điện, nước, điện thoại	7.697.955.428	6.641.056.162
Chi phí tư vấn, dịch vụ chuyên môn	3.262.917.455	3.012.713.699
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	45.879.847.057	40.335.749.503
	<b>158.120.443.733</b>	<b>151.493.181.833</b>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Thu nhập khác**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	78.382.752.128	610.545.455
Lãi do đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn	-	2.803.815.000
Các thu nhập khác	1.924.165.091	3.926.472.284
	<hr/>	<hr/>
	80.306.917.219	7.340.832.739

**32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	660.670.665.113	201.701.942.042
Chi phí nhân công	112.651.977.238	95.279.972.773
Chi phí khấu hao	82.473.925.523	49.224.680.810
Chi phí dịch vụ mua ngoài	135.419.750.613	70.418.724.987
Chi phí khác	63.572.500.944	66.997.296.170
	<hr/>	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	15.683.582.899	448.017.062

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	283.388.554.793	266.737.685.676
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	56.677.710.959	58.682.290.849
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	-	246.882.286
Thuế tương ứng với chi phí không được khấu trừ thuế	2.090.475.686	2.093.273.234
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận	23.609.257.095	2.468.822.861
Thuế tương ứng với thu nhập không bị tính thuế	(66.693.860.841)	(63.491.269.230)
Thuế trên hoạt động khác	-	448.017.062
	15.683.582.899	448.017.062

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, từ năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% (2015: 22%) trên lợi nhuận tính thuế.



## 34. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc

STT	Đơn vị	Tổng doanh thu 2016 VND	Chi tiết doanh thu			Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN 2016 VND
			Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 2016 VND	Doanh thu hoạt động tài chính 2016 VND	Thu nhập khác 2016 VND	
1	<b>Văn phòng Công ty mẹ</b>					
	Văn phòng Hà Nội	599.896.756.822	87.620.954.173	433.010.338.499	79.265.464.150	353.351.915.022
	Văn phòng Hồ Chí Minh	40.574.199.831	22.174.317.125	18.204.428.158	195.454.548	(9.508.329.127)
2	<b>Các đơn vị phụ thuộc</b>					
	Trung tâm xử lý nước thải KCN					
	Dệt May Phố Nối	16.898.901.995	16.891.366.173	1.535.822	6.000.000	(8.081.137.741)
	Chi nhánh Tập đoàn Dệt May					
	Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	69.171.333.620	69.006.171.390	155.445.002	9.717.228	(723.991.466)
	Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	37.685.245.064	36.882.830.567	54.646.804	747.767.693	(14.416.723.692)
	Nhà máy Sợi Phú Hưng	344.373.018.444	343.075.246.666	1.215.258.178	82.513.600	8.139.391.815
	Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	7.517.641.676	7.516.913.122	728.554	-	(18.455.250.836)
	Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	35.165.441.547	35.151.871.852	13.569.695	-	(30.099.143.505)
	Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	89.416.508.586	89.093.862.190	322.646.396	-	(5.993.441.017)
	Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	59.231.054.643	59.037.673.629	193.381.014	-	(6.508.317.559)
3	<b>Tổng</b>	<b>1.299.930.102.228</b>	<b>766.451.206.887</b>	<b>453.171.978.122</b>	<b>80.306.917.219</b>	<b>267.704.971.894</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>Các công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3</b>		
Nhận hoàn trả gốc vay	-	27.677.000.000
Khoản cho vay	-	27.677.000.000
Chuyển khoản phải thu ngắn hạn khác thành khoản cho vay	42.581.377.888	-
Cung cấp dịch vụ	65.268.000	587.220.500
Đầu tư góp vốn	-	20.000.000.000
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	74.541.769.608	-
Chuyển khoản cho vay ủy thác với Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam thành khoản cho vay Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3	36.888.460.000	-
Thu nhập lãi vay	1.836.374.232	180.669.306
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</b>		
Cổ tức	26.856.205.000	32.227.446.000
Bán hàng hóa	16.977.901.310	3.711.807.221
Cung cấp dịch vụ	751.886.123	466.127.272
Mua hàng hóa	-	73.862.727
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	209.863.483.956	-
Thu nhập lãi vay	558.648.576	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	282.704.545
Doanh thu cho thuê nhà	3.356.050.329	2.754.415.928
Cổ tức	67.335.832.800	59.854.073.600
Mua hàng hóa và dịch vụ	287.411.080	448.143.110
Thu nhập tiền lãi	1.936.262.805	875.243.057
Khoản cho vay	-	17.500.000.000
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	521.421.854.424	-
Nhận hoàn trả gốc vay	11.000.000.000	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</b>		
Cổ tức	8.851.950.000	11.802.600.000
Thu nhập tiền lãi	560.661.141	-
Cung cấp dịch vụ	44.000.000	73.200.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.580.969.417	-
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	213.132.524.928	-



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định</b>		
Cổ tức	4.014.835.000	3.649.850.000
Khoản cho vay	25.000.000.000	45.000.000.000
Thu nhập tiền lãi	4.399.493.281	3.524.675.354
Cung cấp dịch vụ	1.220.962.068	138.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	363.134.656	-
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	19.767.954.996	-
Nhận hoàn trả gốc vay	35.000.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài</b>		
Cổ tức bằng tiền	14.807.485.000	16.153.620.000
Cổ tức bằng tài sản	8.196.802.699	-
Cung cấp dịch vụ	118.181.818	58.181.818
Mua hàng hóa	181.208.000	19.140.000
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b>		
Cổ tức	15.974.560.000	14.745.748.500
Mua hàng hóa	8.232.465.714	4.115.059.200
Cung cấp dịch vụ	11.067.217.871	170.400.000
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	79.734.628.980	-
Đầu tư góp vốn	31.129.910.000	-
Thu nhập tiền lãi	209.747.766	-
<b>Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	22.142.419.768	1.836.932.092
Bù trừ khoản phải thu về cho vay và khoản phải trả tiền thuê tài sản	16.240.000.000	-
Thu nhập tiền lãi	2.605.694.444	2.490.111.111
Lợi nhuận được chia	4.462.865.195	6.376.158.582
Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	29.141.030.120	-
<b>Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân</b>		
Cung cấp dịch vụ	175.454.545	11.400.000
Lợi nhuận được chia	15.938.824.515	17.763.645.637
Mua hàng hóa và dịch vụ	15.909.090	-
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	37.239.832.800	-
Thu nhập tiền lãi	97.652.871	-
<b>Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May</b>		
Mua hàng hóa	32.449.850.865	35.922.643.541
Khoản cho vay	-	75.987.039.404

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex</b>		
Đầu tư góp vốn	450.960.807.502	-
Phải thu về tài sản đã bàn giao	68.483.969.478	-
<b>Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex</b>		
Đầu tư góp vốn	200.592.654.440	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt Kim Vinatex</b>		
Cung cấp dịch vụ	3.062.104.500	3.115.570.500
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ Tầng Dệt May Phố Mới</b>		
Cổ tức	12.240.000.000	2.250.000.000
Cổ tức chia từ lợi nhuận năm 2014	-	4.080.000.000
Doanh thu cho thuê nhà	206.700.000	110.092.227
Cung cấp dịch vụ	-	45.000.000
Mua dịch vụ	138.373.800	-
Tiền thuê đất	29.120.000	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex</b>		
Cổ tức	3.727.500.000	3.727.500.000
Cung cấp dịch vụ	635.628.000	603.621.000
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh</b>		
Cổ tức	3.315.426.447	1.116.000.000
Bán hàng hóa	6.414.777.854	10.226.330.730
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP</b>		
Cổ tức	24.637.500.000	19.710.000.000
Cung cấp dịch vụ	335.381.818	242.036.363
Mua hàng hóa	1.793.569.958	333.907.200
Phí gia công	139.820.000	157.235.000
<b>Tổng Công ty May 10 – CTCP</b>		
Cổ tức	9.588.186.000	7.102.360.000
Đầu tư góp vốn	42.614.160.000	-
Cung cấp dịch vụ	309.163.636	203.400.000
Mua hàng hóa	12.172.203.574	19.913.445.237
<b>Tổng Công ty May Đồng Nai</b>		
Cổ tức	1.533.168.000	3.066.336.000
Cung cấp dịch vụ	288.044.064	20.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.381.609	-



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam</b>		
Thu nhập tiền lãi	1.254.833.349	1.520.833.336
<b>Công ty Cổ phần May Hữu Nghị</b>		
Cổ tức	13.753.310.960	5.501.666.000
Cung cấp dịch vụ	-	44.400.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo</b>		
Cổ tức	4.870.800.000	-
<b>Công ty Cổ phần May Bình Minh</b>		
Cổ tức	1.417.500.000	1.417.500.000
Mua hàng hóa	-	125.545.455
Cung cấp dịch vụ	3.622.443.528	19.200.000
<b>Công ty Cổ phần May Chiến Thắng</b>		
Cổ tức	-	1.224.000.000
Cung cấp dịch vụ	-	6.800.000
<b>Công ty Cổ phần May Đáp Cầu</b>		
Cổ tức	3.786.300.000	3.245.400.000
Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	1.803.000.000	-
<b>Tổng Công ty Đức Giang – Công ty Cổ phần</b>		
Cổ tức	6.822.204.000	7.959.238.000
Mua hàng hóa	15.860.012.968	9.374.947.370
Cung cấp dịch vụ	77.600.000	20.000.000
<b>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</b>		
Cổ tức	40.217.760.000	40.217.760.000
Cung cấp dịch vụ	338.600.000	134.200.000
Mua hàng hóa	1.121.650.414	68.181.818
<b>Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP</b>		
Cổ tức	14.230.339.200	14.230.339.200
Cung cấp dịch vụ	132.000.000	152.400.000
<b>Công ty Cổ phần Dệt lụa Nam định</b>		
Cổ tức	666.511.600	555.426.000
Đầu tư góp vốn	-	555.400.000
Cung cấp dịch vụ	-	24.000.000
<b>Công ty Cổ phần May Nam định</b>		
Cổ tức	1.080.000.000	900.000.000
Cung cấp dịch vụ	62.000.000	15.000.000

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
<b>Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	15.000.000
Khoản cho vay	1.470.042.156	-
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>		
Cổ tức	12.600.000.000	12.600.000.000
Cung cấp dịch vụ	15.005.067.395	39.427.899.908
Mua hàng hóa	54.363.636	76.519.800
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.597.204.000	1.669.892.000
Mua hàng hóa	150.875.667	72.320.625
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng</b>		
Cổ tức	1.800.000.000	1.200.000.000
Đầu tư góp vốn	3.000.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinatex</b>		
Thoái vốn	7.918.626.154	-
<b>Công ty Cổ phần May Phương Đông</b>		
Thoái vốn	13.083.311.931	-
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Lương và thù lao đã trả (lương 12 tháng và lương tháng 13)	2.741.220.393	2.676.675.634
<b>Cơ quan Tổng Giám đốc</b>		
Lương và thù lao đã trả (lương 12 tháng và lương tháng 13)	3.735.370.048	4.219.001.768

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

Ngoài các giao dịch phi tiền tệ phát sinh từ việc điều chuyển tài sản và nợ phải trả cho các công ty con như trình bày tại Thuyết minh 5(c) và Thuyết minh 8(b), Tập đoàn Dệt May Việt Nam còn có các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính sau:

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>Điều chuyển một đơn vị phụ thuộc về một công ty con</b>		
Tăng các khoản phải thu ngắn hạn	-	15.042.911.253
Giảm tài sản ngắn hạn khác	-	273.884.410
Giảm tài sản cố định hữu hình – giá trị còn lại	-	35.240.501.179
Tăng đầu tư vào công ty con	-	20.000.000.000
Giảm chi phí trả trước dài hạn	-	2.832.730.144
Giảm vay ngắn hạn	-	1.147.575.000
Giảm các khoản nợ ngắn hạn khác	-	3.899.252.550
<b>Giao dịch khác</b>		
Giảm đầu tư vào công ty con, công ty liên kết do được chia cổ tức liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa	4.870.800.000	4.080.000.000
Đổi trừ khoản tiền đã nhận đặt cọc trong năm trước với khoản đầu tư vào công ty con liên quan đến việc chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần thuộc sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Công ty Cổ phần Tài chính Dệt May cho một bên đối tác	-	219.208.552.560
Chuyển khoản phải thu khác thành khoản phải thu về cho vay	42.581.377.888	-
Bù trừ khoản phải thu về cho vay với khoản phải trả tiền thuê đất trả trước	16.240.000.000	-
Nhận cổ tức bằng tài sản là khoản đầu tư vào đơn vị khác	8.196.802.699	-
Lãi vay nhập gốc vay	16.160.526.653	-



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**37. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

**(a) Đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM**

Ngày 22 tháng 12 năm 2016, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra Quyết định số 871/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên sàn UPCoM. Ngày 3 tháng 1 năm 2017, 500 triệu cổ phiếu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã chính thức chào sàn UPCoM với giá tham chiếu là 13.500 VND/cổ phiếu.

**(b) Cổ đông chiến lược thoái vốn**

Ngày 10 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCD chấp thuận cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam được chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu trước thời hạn. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Nam có trách nhiệm chuyển nhượng cổ phần theo đúng các quy định của pháp luật.

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân  
Kế toán trưởng

Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc